

CHƯƠNG 4: HIỂN THỊ LIỄU Ý Y

Luận nói: Lại nữa, có bốn ý và bốn sự nương tựa. Tất cả giáo pháp của chư Phật Thế Tôn phải nên tùy tùy sự hiểu biết quyết định.

Giải thích: Chánh pháp mà Như Lai nói, không ngoài bốn ý và bốn sự y chỉ này và nương tựa ba tánh, cho nên có thể hiểu biết quyết định. Nếu lìa ba tánh thì không có đạo Lý nào khác có thể hiểu biết quyết định pháp này.

Luận nói: Một là ý bình đẳng.

Giải thích: Ví như có người chấp pháp vốn bình đẳng như vậy, nói đó là ngã, Thế Tôn cũng vậy, pháp thân bình đẳng thì đặt để trong tâm... nói những lời như thế.

Luận nói: Ví như có thuyết, ta trong khi xưa gọi là Tỳ-bà-thi, thành Phật đã lâu.

Giải thích: Không phải Tỳ-bà-thi khi xưa là Thích-ca Mâu-ni ngày nay. Sự nói đó lấy bình đẳng làm ý, gọi đó là thông suốt bình đẳng. Nếu nói sự bình đẳng riêng là nhân, quả, ân đức đều đồng, thì gọi đó là ý bình đẳng.

Luận nói: Hai là ý của thời khác biệt.

Giải thích: Nếu có chúng sinh do lười biếng không siêng ư tu hành, thì Như Lai dùng phương tiện mà nói. Do đạo lý này mà trong chánh pháp của Như Lai có thể siêng năng tu hành theo phương tiện mà nói.

Luận nói: Ví như có lời nói: Nếu người tụng trì tên Phật Đa Bảo, thì quyết định người đó đối với Vô thượng Bồ-đề không thoái chuyển.

Giải thích: Là người lười biếng mà có thiện căn, tụng trì tên Phật Đa Bảo để tiến lên công đức thượng phẩm. Ý của Phật vì hiển thị công đức của Thượng phẩm, trong Hành yếu kém vì muốn khiến cho xả bỏ lười biếng mà siêng năng tu hành, không phải chỉ do trì tụng danh hiệu Phật, tức là không thoái đạo quyết định đấng Vô thượng Bồ-đề. Ví như do một đồng tiền vàng kinh doanh kiếm được một ngàn tiền vàng, không phải một ngày mà được ngàn, do thời gian khác mà được có một ngàn. Ý của Như Lai cũng vậy, một tiền vàng này là nhân của một ngàn tiền vàng. Tụng trì danh hiệu Phật cũng như thế, là nhân không thoái chuyển Bồ-đề.

Luận nói: Lại có nói rằng: Chỉ do phát nguyện, được thọ sanh vào cõi Phật an lạc.

Giải thích: Cũng như trước, phải biết đó gọi là ý thuộc thời khác

biệt.

Luận nói: Ba là ý thuộc nghĩa riêng.

Giải thích: Câu này là chỉ rõ sự tự giác hiểu nghĩa thật tướng. Do nghĩa đạo lý của ba tánh, nếu cho rằng do nghe mà được hiểu rõ nghĩa là ý của Như Lai, thì trẻ con và phàm phu cũng có thể hiểu rõ. Cho nên ý của Như Lai không phải như vậy. Ý của Như Lai là thế nào?

Luận nói: Ví như có nói các sự như vậy, nhiều như số cát sông Hằng, Chư Phật cũng chỉ đối với nghĩa của pháp đại thừa mà được sinh hiểu rõ.

Giải thích: Hiểu rõ không phải do nghe được thành, hoặc người đã phụng sự hằng hà sa số Phật mới được thành tựu, thì đó gọi là ý thuộc nghĩa riêng biệt.

Luận nói: Bốn là ý ham muốn an vui của chúng sinh. Ví như Như Lai trước làm một người khen ngợi bố thí, sau lại chê bai.

Giải thích: Có những chúng sinh mà Như Lai trước hết tán thán công đức của bố thí; sau này, hoặc vì người này mà huỷ báng bố thí. Như vậy là tùy người mà được thành. Tại sao vậy? Nếu người có tâm keo kiệt tuần của, thì vì trừ tâm này mà trước tán thán bố thí. Nếu người đã ưa thích hạnh bố thí, vì thí là thiện căn của hạ phẩm, Như Lai sau đó lại chê bai hạnh bố thí, đó chê bai khiến cho người này khát ngưỡng các hạnh thù thắng khác. Nếu không do ý này thì khen ngợi và chê bai trở thành trái nhau. Do Như Lai có ý riêng, cho nên khen ngợi và chê bai trong một hạnh bố thí mà không trái nhau.

Luận nói: Như thí, giới và các hạnh tu khác cũng vậy, gọi đó là bốn loại ý.

Giải thích: Giới... cũng như vậy. Có người thì Như Lai vì tán thán và huỷ báng đối với việc tu, đây là thế gian tu cho nên có thể huỷ báng, nếu tu pháp xuất thế thì không thể huỷ báng. Nghĩa ý và sự nương tựa tướng khác tại sao tâm Như Lai trước hết duyên sự này, sau vì người khác mà nói cho nên gọi là ý, do nhân duyên này sinh quyết định, nhập chánh định mà gọi nhân này là nương tựa.

Luận nói: Bốn sự nương tựa: Một là nương tựa khiến nhập vào. Ví như trong đại thừa và tiểu thừa, Phật Thế Tôn nói nhân, pháp hai thứ chung riêng là hai tướng thuộc Tục đế.

Giải thích: Trong chánh thuyết căn cứ theo lý của thế đế mà nói có nhân (người), pháp và hai tướng chung riêng. Vì khiến cho chúng sinh nhập chánh nghĩa, nên gọi là sự nương tựa khiến nhập vào.

Luận nói: Hai là tướng nương tựa. Ví như tùy trong chỗ thuyết

pháp tướng chắc chắn có ba tánh.

Giải thích: Trong chánh thuyết nếu phải thuyết pháp tướng thì nói ba tánh. Ba tánh này là tổng tướng của tất cả pháp. Nếu muốn hiểu rõ tất cả pháp thì cần phải y theo ba tướng này, cho nên gọi là nương tựa tướng.

Luận nói: Ba là nương tựa đối trị, là hiển hiện đối trị đây tám vạn bốn ngàn hạnh phiền não của chúng sinh.

Giải thích: Trong chánh thuyết, nếu nói hạnh đối trị chúng sinh thì không ngoài tám vạn bốn ngàn môn, là nói bốn đế. Đây là nói có thể trừ thân kiến, giới thủ, nghi... trong nhân quả của chúng sinh, vì có thể thành lập đối trị phiền não của chúng sinh, gọi là nương tựa đối trị.

Luận nói: Bốn là nương theo ngôn từ. Trong đây do nói biệt nghĩa ngôn từ để hiển thị nghĩa riêng biệt, ví như kệ nói.

Giải thích: Trong chánh thuyết, do hiển thị nói về nghĩa riêng biệt, văn tự chỉ nói nghĩa riêng biệt, cho nên gọi là nương tựa ngôn từ, như kệ nói.

Luận nói: A-sa-ly, Sa-la-ma-đa-da, Tỳ-bạt-da-tư-giả, Tu-hi-đa, Ly-thi-na-giả, Tăng-kha-lý-đa, La-bàn-đề-bồ-đề-vật-đa-ma.

Luận nói: A-sa-ly.

Giải thích: Gọi là định. Tại sao vậy? Vì Sa-ly có hai nghĩa: 1. Thật. 2. Động. A-sa-ly là không thật và bất động. Không thật là văn cú thuyết minh rõ nghĩa; bất động là nghĩa bí mật. Vì bất động cho nên gọi là định.

Luận nói: Sa-la-ma-đa-da.

Giải thích: Gọi là tâm khởi sự thật, là đối với định khởi tâm tôn trọng.

Luận nói: Tỳ-bạt-da-tư-giả.

Giải thích: Là trí tuệ của bốn niệ m xứ. Tại sao vậy? Vì Tỳ-bạt-da-tư-giả cũng có hai nghĩa: 1. Đảo, là đối với vô thường mà khởi đảo lại là thường. 2. Phiền đảo, là đối với thường mà khởi hiểu vô thường. Đảo là văn cú thuyết minh rõ nghĩa, sự đảo ngược văn cú là nghĩa bí mật.

Luận nói: Tu-hi-đa.

Giải thích: Là thiện trụ, tức là khéo trụ vào bốn niệ m xứ.

Luận nói: Ly-thi-na-giả.

Giải thích: Là chánh cần. Tại sao vậy? Vì Ly-thi-na-giả cũng có hai nghĩa: 1. Phiền não. 2. Khổ nạn. Phiền não là văn cú thuyết minh rõ nghĩa, khổ nạn là nghĩa bí mật của chánh cần.

Luận nói: Tăng-kha-lý-đa.

Giải thích: Cũng có hai nghĩa: 1. Nhiễm ô. 2. Bì quyện. Nhiễm ô là văn cú thuyết minh rõ nghĩa, bì quyện là nghĩa bí mật. Bồ-tát vì chúng sinh đối với sinh tử, lâu dài hằng hành khổ hạnh. Do đó sanh mệt mỏi như pháp sư của La-hầu-la nói: Bạch Thế Tôn! Thời gian lâu dài đối với sinh tử mệt nhọc, chỉ do đại bi, không do các sự khác.

Luận nói: La-bàn-để-bồ-đề-vật-đa-ma.

Giải thích: La-bàn-để là đắc, Bồ-đề là giác, Vật-đa-ma là thắng. Nếu lấy kệ này để thuyết minh rõ nghĩa của văn phán quyết thì trở thành trái nhau. Nếu lấy nghĩa bí mật để làm văn phán quyết, thì đó là chánh thuyết. Muốn khiến cho chúng sinh nương vào lý mà phán quyết văn, lấy lý là chỗ nương tựa, không nên y theo văn, cho nên nói kệ này. Hoặc có người kiêu mạn khinh miệt người nói, thì tự họ không thể như lý mà phán quyết nghĩa. Vì muốn phá tâm kiêu mạn kia cho nên nói kệ này. Đó gọi là nương tựa vào văn tự.

Luận nói: Nếu người muốn giải thích rộng pháp đại thừa, thì lược nói do ba pháp tương ứng, nên giải thích như vậy. Một là rộng giải thích thể tướng của duyên sinh. Hai là rộng giải thích sự nương tựa của nhân duyên đã sinh thật tướng các pháp. Ba là rộng giải thích thành lập các nghĩa đã nói. Rộng giải thích thể tướng duyên sinh, là như kệ nói, huân tập các pháp sở sinh, đây do kia, quả báo thức như vậy và sinh khởi thức lẫn nhau làm nhân sinh.

Giải thích: Ngoại trần do tánh phân biệt sinh, vì chủng tử huân tập trong bản thức. Nên tương xứng nói là huân tập của ngôn thuyết, tất cả các pháp khác lấy đây làm nhân mà được sinh, là sinh khởi thức làm tánh, vì sự huân tập của ngôn thuyết lấy các pháp làm nhân. Nói rằng pháp này từ pháp kia mà sinh. Do ngôn thuyết này nên đã làm rõ bản thức cùng với thức sinh khởi thức làm nhân lẫn nhau.

Luận nói: Rộng giải thích nương nhân duyên đã sinh tánh tướng của các pháp. Các pháp là thức sinh khởi làm tướng, có tướng kiến thức làm tự tánh.

Giải thích: Là các pháp đó có kiến, có tướng, làm tự tánh, thức sanh khởi làm tướng. Phải biết như vậy, các pháp có hai thể. Nếu trần thức lấy tướng làm thể, thì từ nhân duyên sinh ra quả pháp. Tánh tướng có ba thứ.

Luận nói: Lại nữa, các pháp nương tựa làm tướng.

Giải thích: Là tánh y tha.

Luận nói: Phân biệt làm tướng.

Giải thích: Là tánh phân biệt.

Luận nói: Pháp nhĩ làm tướng.

Giải thích: Là tánh chân thật.

Luận nói: Do ngôn thuyết này, thể tướng của các pháp trong ba tánh được hiện rõ ra.

Giải thích: Do ngôn thuyết này mà tất cả pháp từ nhân duyên sinh. Do có pháp cho nên hư vọng, do hư vọng cho nên trở thành điên đảo, do điên đảo cho nên đắc quả hư vọng do có quả cho nên có phân biệt. Do phân biệt cho nên có pháp. Do đó hoặc thuận tướng làm thành, hoặc nghịch tướng làm thành, ba thứ tánh tướng này gồm thâu khắp tất cả quả.

Luận nói: Như kệ nói”

Giải thích: Nhằm làm sáng nghĩa này cho nên nói kệ trùng tuyên.

Luận nói:

*Từ có tướng, có kiến,
Phải biết ba tướng pháp.*

Giải thích: Các pháp không ngoài hai thứ: 1. Tướng. 2. Kiến. Trong tướng và kiến, phải hiểu rõ ba tánh làm tướng. Ba tướng này phương tiện như vậy phải giải thích. Bây giờ sẽ nói rõ.

Luận nói: Làm sao giải thích được tánh phân biệt của pháp tướng này? Đối với tánh y tha thật ra là không có, tánh chân thật trong đó thì thật có. Do hai tánh này nên không có và có chẳng phải đắc và chưa đắc, chưa thấy và đã thấy. Chân như đồng thời tự nhiên thành, tánh phân biệt trong tánh y tha thì không có, vì tánh chân thật thì có. Nếu thấy kia thì không thấy đây, hoặc không thấy kia tức là thấy đây.

Giải thích: Hai tánh là tánh phân biệt và tánh chân thật. Hai tánh này, tánh thứ nhất không có, tánh thứ hai thì có. Nói hai tánh này không có và có, là do thấy phân biệt và không thấy chân thật. Người không thấy chân thật, là phạm phu khi chưa thấy, Thánh nhân thì không thấy phân biệt, tức là thấy chân thật.

Luận nói: Như kệ nói.

Giải thích: Nhằm làm sáng nghĩa này cho nên trùng tuyên nói kệ.

Luận nói:

*Phân biệt trong y tha,
Không, chỉ có chân thật,
Nên không đắc và đắc,*

Trong đó hai bình đẳng.

Giải thích: Kệ nói trong đó tức là trong tánh y tha, hai tánh này bình đẳng. Trong tánh y tha, không có tánh phân biệt, chỉ có tánh chân thật, cho nên người phạm phu điền đảo chấp, như vậy họ được hoặc không được cái chánh kiến của Thánh nhân. Trong tánh y tha cũng có nghĩa không được và được .

Luận nói: Rộng giải thích thành lập các nghĩa đã nói là, ví như đều nói trong văn cú thứ nhất do các văn cú khác hiển thị phân biệt, hoặc do công đức y chỉ, hoặc do căn cứ vào nghĩa và sự. Căn cứ vào công đức, là rộng nói về công đức tối thanh tịnh trí tuệ của Phật Thế Tôn.

Giải thích: nhân theo hai nghĩa trước, tất cả đều nói, phải giải thích như vậy. Bây giờ sẽ nói phương tiện này. Đầu nói trong đây, hoặc nương vào nghĩa công đức, hoặc nương vào nghĩa của sự. Nương vào trí tuệ tối thanh tịnh trong nghĩa công đức là câu thứ nhất, các văn cú chỗ khác, mỗi mỗi đều hiển thị nghĩa này.

Luận nói: Không có hai hạnh là đối với những gì đã biết, tất cả đều không có hành chướng ngại việc khởi công đức.

Giải thích: Không giống như trí tuệ có chướng ngại của Thanh-văn, Độc giác. Không chướng do có chướng cho nên không thanh tịnh, do không có chướng ngại cho nên thanh tịnh. Trí tuệ của Như Lai đối với tất cả xứ đều không chướng ngại, do đó không có phân biệt tịnh hay bất tịnh. Do nghĩa này cho nên không có hai.

Luận nói: Pháp vô tướng làm hành ý nương tựa thù thắng, là đối với có và không, không có hai tướng. Chân như tối thanh tịnh khiến cho nhập công đức.

Giải thích: Tức là chân như thanh tịnh không như gọi là pháp vô tướng. Do tất cả pháp “không có gì” là thể nên Pháp này là tướng, có do tự thể là thật có nên pháp này là tướng không. Đối với pháp vô tướng do tối thanh tịnh cho nên tự nó có thể thông đạt, cũng có thể khiến cho tha thông đạt, cho nên nói pháp vô tướng làm hành ý nương tựa thù thắng.

Luận nói: Trụ nơi Phật trụ nghĩa, là không do công dụng, không xả Như Lai sự và công đức của Phật trụ.

Giải thích: Đây là hiển thị vô trụ xứ Niết-bàn. Không trụ sinh tử cho nên không có công dụng của tâm. Vì không ở tại Niết-bàn cho nên không xả các sự lợi ích chúng sinh của Như Lai. Như vậy hai nghĩa do vô trụ xứ Niết-bàn mà được thành lập. Nói Niết-bàn này gọi là nơi ở của Phật.

Luận nói: Đến đắc bình đẳng của Chư Phật, là đối với sự nương tựa của pháp thân và ý sự, không có công đức sai biệt.

Giải thích: Ý chỉ tức pháp thân, ý là Ứng thân, sự là Hóa thân. Ba thân như vậy, tất cả mười phương ba đời chư Phật bình đẳng không khác. Bình đẳng như vậy, tất cả Như Lai đều đã đạt được.

Luận nói: Hành hạnh vô ngại, là công đức tu tập đối trị tất cả chướng.

Giải thích: Vì đối trị tất cả ba chướng, nên Như Lai hằng tu trí tuệ để đối trị, cho nên trí Như Lai đối với pháp thể và pháp tướng đều không có chướng ngại.

Luận nói: Không thể phá pháp không đối chuyển, là công đức hàng phục tất cả ngoại đạo.

Giải thích: Trong thế gian không có thuyết nào của thiên ma và ngoại đạo, có thể phá như lý của Phật. Chánh pháp Như Lai nói là an lập tự pháp, cũng không ai có thể lấy pháp của mình đã lập đối nghịch lại chánh pháp của Như Lai. Tại sao vậy? Vì điều Như Lai nói không có lỗi bản tánh.

Luận nói: Cảnh không thể làm đổi khác, là công đức sinh nơi thế gian, không bị nhiễm nhơ bởi pháp thế gian.

Giải thích: Thế gian là xứ của Như Lai xuất sinh, Như Lai tuy sinh nơi thế gian, nhưng tám pháp tham ái... và bốn điên đảo không thể nhiễm ô. Cảnh tức là niệm xứ, là chân như không.

Luận nói: Pháp được thành lập không thể tư duy, nghĩa là công đức an lập chánh pháp.

Giải thích: Mười hai bộ kinh, không thể suy lường, không thể nghĩ, không phải điều mà phạm phu biết. Như Lai an lập pháp này xong, cho đến trẻ con cũng có thể thông đạt, như Cưu-ma-la-ca-diếp là câu thanh tịnh Tuệ trước, đối với câu khác mỗi mỗi đều phải biết là tương ưng.

Luận nói: Đến ba đời bình đẳng, là bốn loại thiện xảo. Là công đức giải đáp vấn nạn của mọi người.

Giải thích: Như Lai nơi hiện tại, chứng tất cả pháp, đối với quá khứ và vị lai cũng chứng chứ không so sánh biết. Do chứng trí bình đẳng này, ai căn cứ theo ba đời vấn nạn thì Ngài đều nương vào chứng trí, mà đáp lại bốn câu, cho nên trí đáp đều bằng Như Lai, đến hai thứ bình đẳng này.

Luận nói: Đối với tất cả thế giới hiện thân, là trong tất cả thế giới hiển hiện công đức của ứng Hóa thân.

Giải thích: Vì Hóa độ Bồ-tát và nhị thừa, tùy căn tánh của chúng

sinh mà hiển hiện hai thân, là thuyết và là hành.

Luận nói: Đối với tất cả pháp trí tuệ vô ngại, là công đức có thể quyết định nghi ngờ của người khác.

Giải thích: Do đặc bốn pháp vô úy do đó tự quyết không có nghi. Do đặc bốn vô ngại biện cho nên có thể quyết nghi cho người khác. Do đó có thể đáp câu vấn nạn quyết nghi.

Luận nói: Tất cả hạnh tương ứng với trí tuệ, là công đức do các thứ hạnh có thể khiến cho người khác nhập.

Giải thích: Như Lai muốn làm sự lợi ích cho người khác, sự này trước hết là do sở duyên của trí. Do sự này người khác được hội nhập chân vị, tức cùng với trí tuệ của người khác tương ứng. Sự này lấy trí tuệ của mình làm nhân, lấy trí tuệ của người khác làm quả. Sở hành phương tiện của tất cả Như Lai là thần thông luận, ký tâm luận và thuyết pháp luân, cho đến hơi thở ra vào, không có gì mà không tự cùng với trí tuệ tương ứng, đều khiến cho người khác đắc trí tuệ. Không hề uổng qua.

Luận nói: Đối với pháp trí tuệ vô ngại, là đối với pháp của đời vị lai sinh công đức trí.

Giải thích: Pháp này đối với vị lai phải sinh trí như vậy, cho nên đối với pháp của đời vị lai vô ngại. Vì khiến cho người khác đắc pháp này, mà tùy căn tánh chúng sinh có thể lập giáo.

Luận nói: Không thể phân biệt thân, là công đức tùy chúng sinh vui mà hiển hiện.

Giải thích: Chúng sinh giới quá số lượng, nên ý dục và nhập đạo phương tiện cũng quá số lượng, xứ sở cũng quá số lượng. Như Lai có thể tùy sự sai biệt này mà thị hiện số lượng, tướng mạo, thời tiết và xứ sở Hóa thân, đều không thể phân biệt.

Luận nói: Trí tuệ mà tất cả Bồ-tát nhận cảnh là có thể hành vô lượng y chỉ công đức sự nghiệp chính giáo hóa chúng sanh.

Giải thích: Do vô lượng Bồ-tát y chỉ là sự giáo Hóa chúng sinh, phải có khả năng làm sự này. Do đặc vô ngã của Phật là chân ngã, vì trí này chỉ là sự thọ của Bồ-tát, chỉ có Phật có thể Hóa độ Bồ-tát, chỉ có Bồ-tát có thể thọ sự Hóa độ của Phật. Vô lượng Bồ-tát y chỉ, vô lượng này có hai nghĩa, hoặc thuộc bồ-tát, hoặc thuộc y chỉ. Nếu thuộc Bồ-tát, thì tất cả Bồ-tát đồng một y chỉ, là lấy vô ngã làm thắng ngã. Nếu thuộc y chỉ thì hiển hiện pháp thân biến khắp, chung làm y chỉ cho tất cả Bồ-tát.

Luận nói: Đến chỗ của Phật trụ Ba-la-mật không hai, là công đức của pháp Thân bình đẳng Ba-la-mật thành tựu.

Giải thích: Pháp thân Như Lai gọi là Phật trụ. Trụ này của ba đời Như Lai không khác, cho nên nói là không hai. Vì không hai cho nên bình đẳng. Bốn đức rốt ráo cho nên gọi là Ba-la-mật. Thành tựu có hai nghĩa: 1. Pháp thân Phật thanh tịnh, đã lìa tất cả chướng, cứu cánh thanh tịnh cho nên gọi là Thành tựu. 2. Bốn đức là sự thành tựu của pháp thân.

Luận nói: Đến trí tuệ cứu cánh giải thoát không sai biệt Như Lai, là tùy ý chúng sinh, hiển hiện công đức thuần tịnh của cõi Phật.

Giải thích: Trong trí tuệ không hỗn tạp của Như Lai trí, đến giải thoát cứu cánh, thì trí tuệ Như Lai cùng với chân như không sai biệt. Tùy chỗ nguyện vui của chúng sinh mà có thể hiển hiện cõi Phật thanh tịnh, vì sinh khởi tâm thiện và thành thực giải thoát.

Luận nói: Đã chứng đắc cõi Phật bình đẳng vô biên, là công đức ba thân Phật không lìa, không có chỗ sai biệt.

Giải thích: Trong ba thứ thân của Như Lai, thì pháp thân căn cứ theo nơi chốn của nó là không thể độ lượng, Ứng thân và Hóa thân cũng như thế, không thể nói, chỉ ở thế giới này có. Thế giới kia không có, không có một pháp nào ra ngoài thân này. Không có chúng sinh nào ra khỏi Ứng thân và Hóa thân.

Luận nói: Pháp giới làm thù thắng, là tận cùng mé sinh tử, có thể sinh công đức an lạc lợi ích của tất cả chúng sinh.

Giải thích: Như Lai lấy pháp giới làm thù thắng. Pháp giới có hai thứ: 1. Hữu nhiễm. 2. Vô nhiễm. Pháp giới thanh tịnh không nhiễm làm tối thắng sau. Tại sao vậy? Vì Như Lai tận cùng mé sinh tử, lợi ích an lạc chúng sinh, công năng vô tận. Nguyên nhân vô tận là do thể, do Năng thể tức là pháp giới. Năng tức là hai thân Ứng và Hóa. Do Hóa thân mà đắc Ứng thân của Như Lai, do Ứng thân sau chuyển được thành Pháp thân của Như Lai. Nếu thành pháp thân thì vô cùng tận.

Luận nói: Hư không giới làm bờ mé sau cùng, là do vô tận công đức.

Giải thích: trí tuệ của Như Lai vô tận, ví như hư không. Hư không đầy khắp tất cả cõi Sắc tế (mé Sắc), không có sinh, trụ, diệt và biến đổi. Trí Như Lai cũng như thế, bao trùm hết mọi sự biết không điên đảo và không biến đổi cho nên nói là như hư không.

Luận nói: Trí tuệ tối thắng thanh tịnh, như vậy câu thứ nhất do các câu còn lại, thứ tự phải biết phân biệt giải thích, nếu như vậy thì nghĩa thuyết chánh pháp này được thành.

Giải thích: Do hai mươi đạo lý, thành tựu trí tuệ tối thắng thanh

tịnh của Như Lai, tự lợi của Như Lai được mãi túc. Do trí tuệ thanh tịnh pháp mà Như Lai nói là giáo lý đúng đắn và viên mãn, lợi tha được thành. Câu thứ nhất làm gốc, hai mươi câu còn lại làm năng thành tựu.

Luận nói: Nương nghĩa sự y chỉ, như kinh nói: Nếu Bồ-tát tương ứng với ba mươi hai pháp thì gọi là Bồ-tát.

Giải thích: Nương sự có hai nghĩa: 1. Lấy Ý làm nhân, lấy mười sáu nghiệp làm sự. 2. Lấy cú làm nhân, chỗ thành nghiệp làm sự. Bồ-tát có hai thứ: 1. Tại chánh định vị. 2. Tại bất định vị. Nếu người nhập chánh định vị cùng với ba mươi hai pháp tương ứng, thì được tên Bồ-tát. Nếu tại địa vị bất định, là ngọn cùng với ba mươi hai pháp tương ứng thì không được gọi là Bồ-tát.

Luận nói: Đối với tất cả chúng sinh, cùng với ý lợi ích an lạc tương ứng.

Giải thích: Đối với tất cả chúng sinh cầu mong khởi đạo chân thật, có phương tiện cho nên gọi là ý lợi ích. Đối với tất cả chúng sinh, cầu mong khởi phương tiện nhờ gốc khổ ban vui hai đời hiện tại vị lai, gọi là ý an lạc. Bồ-tát cùng với ý này hằng không lìa nhau gọi là tương ứng. Câu thứ nhất này thuyết minh lợi ích và ý an lạc, sau đó có mười sáu nghiệp và mười sáu câu, hợp chung thành ba mươi hai pháp cùng làm rõ nghĩa của câu thứ nhất.

Luận nói: Khiến cho nhập tất cả trí và ý, là truyền mãi hành nghiệp.

Giải thích: Nếu Bồ-tát có ý muốn khiến cho chúng sinh nhập vào Nhất Thiết trí, do ý này truyền mãi Hóa độ chúng sinh, khiến họ đắc Nhất thiết trí trí. Ví như một ngọn đèn thắp truyền hàng ngàn ngọn đèn. Do câu này và nghiệp, ý lợi ích và an lạc của Bồ-tát được sáng tỏ. Như vậy đối với tất cả cú và nghiệp, mỗi mỗi hiển thị cú thứ nhất đều phải biết.

Luận nói: Ta nay trong xứ nào, nên tương ứng với trí như vậy! Là Vô Đảo nghiệp.

Giải thích: Nếu có ý lợi ích an lạc, nhưng Bồ-tát không như thật nhận biết tự thân, thì không thể đúng đạo lý an lập chúng sinh. Ví như có người có ý lợi ích an lạc an lập chúng sinh đối với việc uống rượu. Nghiệp điên đảo, nếu thật nhận biết tự thân thì có thể đúng đạo lý, vì chúng sinh thuyết pháp không tăng thượng mạn, an lập chúng sinh khiến cho nhập vào cõi thiện. Sự lợi ích an lạc này gọi là không có nghiệp điên đảo.

Luận nói: Xả bỏ tâm cao mạn, là không mà do người khác hành

nghiệp của mình.

Giải thích: Do người này từ bỏ tâm cao mạn, không chờ người khác thỉnh. Nếu chúng sinh là pháp khí, thì tự đến đó nói thuyết chánh pháp cho họ.

Luận nói: Ý thiện kiên cố, là nghiệp không thể hoại.

Giải thích: Do Tâm BỒ-tát kiến cố, nếu chúng sinh có tội lỗi, cũng không thể phá hoại tâm lợi ích an vui của BỒ-tát.

Luận nói: Không phải giả bộ xót thương, là không cầu dục nghiệp. Phải biết có ba câu giải thích.

Giải thích: Trước có ba câu, sau lại lấy ba câu sau để giải thích ba câu trước.

Luận nói: Không tham cầu báo ân.

Giải thích: Đây là giải thích câu thứ nhất không phải vì tự cầu lợi dưỡng, cho nên xót thương người khác.

Luận nói: Ý về bình đẳng đối với người thân kẻ sơ, là chúng sinh có ân hoặc vô ân, không sinh tâm yêu hay ghét.

Giải thích: Người thân, gọi là có ân. Người oán và người trung gian là chẳng phải thân thiết, gọi là vô ân. Nếu khiến cho người không thân chịu thọ sự lợi ích an lạc, là BỒ-tát xả tâm không bình đẳng, khởi tâm bình đẳng để làm việc lợi ích.

Luận nói: Mãi mãi tạo ý là bạn tốt, cho đến Vô Dư Niết-bàn, là tùy thuận hành cho đến đời khác.

Giải thích: Tùy thuận làm việc lợi ích an vui, từ đời này cho đến đời tận cùng vị lai vĩnh viễn không lìa bỏ, cho nên gọi là không cầu dục nghiệp. Không có ý ham muốn này làm sao biết được? Do tùy xứ tương ứng hai nghiệp thân Khẩu cho nên biết được.

Luận nói: Nói năng vừa phải, vui cười trước, nói sau là tùy xứ tương ứng nghiệp nói năng. Có hai câu giải thích, phải biết.

Giải thích: Hai câu này căn cứ theo pháp và an uỷ để làm sáng khẩu nghiệp. Tương ứng với lượng mà đàm luận và thuyết giáo là ước pháp. Hoan hỉ vui cười trước khi nói là căn cứ theo sự ủy thác an vui. Xứng lượng có hai thứ: 1. Xứng pháp không lìa các lời nói khác. 2. Xứng với điều hiểu, ta liền hiểu sai nghi. Như vậy theo lượng mà đàm thuyết, vui cười (hoan tiếu) khiến cho người khác không có tâm nghi sợ, nói trước là chỉ dẫn người phương tiện để làm. Hai thứ nghiệp khẩu này đối với ba người oán, thân và trung gian không có riêng khác, tức là thành tựu nghiệp không cầu dục.

Luận nói: Đối với chúng sinh đều từ bi không khác, là có khổ có

vui không hai, chúng sinh bình đẳng nghiệp.

Giải thích: Đối với chúng sinh có khổ, do bao khổ của họ mà khởi từ bi. Đối với chúng sinh có vui, do hoại khổ mà khởi từ bi. Đối với chúng sinh không hai thì, do hành khổ mà khởi từ bi. Không hai là không khổ không vui, tức là xả thọ. Từ bi bình đẳng là nghiệp thân và khẩu. Tại sao vậy? Bồ-tát đối với chúng sinh trước hết khởi ý từ bi, sau đó là tùy thời tùy xứ mà hành nhỏ gốc khổ và lạc hành, là nghiệp thân và nghiệp khẩu. Thân nghiệp khẩu này đối với ba hạng người oán thân và trung gian không có riêng khác, cũng thành tựu nghiệp không ham muốn dục lạc.

Luận nói: Đối với việc tạo tác không có tâm thoái lui và yếu hèn, nghiệp không hạ liệt...

Giải thích: Nếu Bồ-tát khinh tiện tự thân nói rằng: "Ta nay đối với Vô thượng Bồ-đề không có công năng, mọi việc làm đều không thành tựu", đó gọi là tâm thoái lui và yếu hèn. Bồ-tát không sinh tâm này cho nên mọi việc đã làm đều được thành tựu, gọi là không có tâm thoái lui hèn nhác.

Luận nói: Không có tâm xa lánh mệt mỏi, là không thể khiến cho nghiệp thoái chuyển.

Giải thích: Bồ-tát đối với Vô thượng Bồ-đề, khởi chánh cần không chán mệt tâm không chán mệt hai thứ: 1/ Kiến nhân định. 2/ Tri quả hy hữu. Trong việc khó làm tâm không chán mệt.

Luận nói: Nghĩa nghe không thiếu, là nghiệp thu gom phương tiện.

Giải thích: Nếu người đa văn có thể hiểu rõ phương tiện giáo Hóa người khác. Do văn mà hiểu nghĩa, thì đối với chánh hạnh không có tâm nghi ngờ, tự có thể tu hành, cũng dạy người khác tu hành.

Luận nói: Đối với tự làm tội, có khả năng làm nó sáng ra đối với người khác làm tội thì không quở trách, là nghiệp đối trị chỗ chán ghét. Nên biết có hai câu giải thích.

Giải thích: Do trí và đại bi cho nên có khả năng này. Vì do trí có thể hiểu rõ nhân quả, không che giấu việc làm ác của mình. Do đại bi không đành nhìn thấy người khác tạo nhân khổ, tuy hằng quở rầy nhưng không giận trách.

Luận nói: Trong tất cả oai nghi hằng trị Bồ-đề tâm, là nghiệp tư lương vô gián.

Giải thích: Đây là làm sáng tỏ tu không gián đoạn. Tu không gián đoạn là ngăn trách tất cả hành động phóng dật, ví như minh trong phẩm

oai nghi thanh tịnh đã nói rõ, mọi việc mà Bồ-tát làm đều khiến cho chúng sinh đắc Vô thượng Bồ-đề.

Luận nói: Không cầu quả báo mà hành bố thí, không dính mắc tất cả sợ hãi và cõi chúng sinh, thọ trì giới cấm, đối với tất cả chúng sinh nhẫn nhục vô ngại, vì dẫn nhiếp tất cả thiện pháp, hành tinh tấn, tu Tam-ma-đề, diệt ly Vô sắc định cùng với trí hiểu biết phương tiện tương ứng. Bốn pháp thu nhiếp phương tiện tương ứng, là hành nghiệp tinh tấn thù thắng. Nên biết có bảy câu giải thích. chánh tu gia hạnh sáu Ba-la-mật, cung kính hành bốn nhiếp pháp.

Giải thích: Trước có bảy câu, sau tổng nêu ra sáu độ, bốn nhiếp pháp để kết bảy câu trước. Nghiệp này có thể tăng trưởng ý lợi ích an lạc. Nếu chưa sinh thì do nghiệp này mà được sinh. Nếu đã sinh thì do nghiệp này mà được thêm rộng, tức là nhân của sự sinh trưởng.

Luận nói: Bạn tốt không hai trong trì giới và phá giới, là thành tựu nghiệp phương tiện. Nên biết có sáu câu giải thích.

Giải thích: Trước có sáu câu, sau lại lấy sáu câu để giải thích sáu câu trước.

Luận nói: Phụng sự thiện tri thức.

Giải thích: Đây là giải thích câu thứ nhất. Nếu người trì giới phá giới thì không quán xét lỗi của họ, mà chỉ lấy đức của họ. Nếu chưa được đức của bạn bè tốt kia thì nương vào bạn bè tốt mà tu học, nếu đã được đức thì cùng với bạn bè tốt kia luôn luôn tu tập khiến cho được kiên cố. Nếu tự có đức thì khiến cho bạn tốt kia đồng sở đắc với ta. Mình và người phụng sự lẫn nhau, cho nên nói là thiện hữu không hai.

Luận nói: Tâm cung kính chánh pháp, là nghe chánh pháp.

Giải thích: Vì đắc chỗ chưa đắc, vì tu trị chỗ đã đắc, cho nên nương vào bạn tốt mà nghe chánh pháp.

Luận nói: Tâm cung kính trụ nơi thanh tịnh an lạc, là trụ chỗ A-lan-nhã.

Giải thích: Muốn tu hành như những điều mình nghe pháp cho nên cung kính trụ A-lan-nhã. Nếu trụ trong đây thì tất cả giác quán tà không được khởi.

Luận nói: Đối với thế gian hy hữu, không sinh tâm an lạc, là xa lìa giác quán tà.

Giải thích: Ví như các thứ kỹ nhạc, là cái mà thế gian ưa thích, nhưng ta không sinh tâm hỷ lạc, gọi là xa lìa giác quán tà.

Luận nói: Đối với thừa của phẩm dưới không sinh tâm hỷ lạc, đối với Đại thừa quán công đức chơn thật, là công đức chánh tư duy. Có hai

câu.

Giải thích: Là tiểu thừa tu đại thừa, hai câu này gọi là chánh Tư Duy.

Luận nói: Xa lánh bạn ác, kính phụng bạn tốt, là làm rõ công đức phụng sự bạn tốt. Có hai câu.

Giải thích: Xa lìa ác, thân cận thiện, hai câu này gọi là công đức gần gũi bạn tốt. Do đối trị sáu pháp này cho nên sự lợi ích an lạc được thành tựu. Cho nên gọi là thành tựu nghiệp phương tiện. Thành tựu thể tướng ra sao?

Luận nói: Hằng đối trị bốn loại Phạm trụ, nghĩa là làm sáng tỏ thành tựu nghiệp. Có ba câu giải thích nên biết.

Giải thích: Trước có ba câu, sau lại lấy ba câu để giải thích ba câu trước.

Luận nói: Trị tâm thanh tịnh vô lượng.

Giải thích: Đây là giải thích câu thứ nhất.

Luận nói: Hằng du hí với năm thứ thông tuệ, là đắc oai đức. Hằng nương hạnh trí tuệ, là chứng đắc công đức.

Giải thích: Trước hết đối với chúng sinh khởi tâm vô lượng. Do tâm vô lượng muốn dẫn chúng sinh khiến cho nhập vào chánh vị. Do đó mà hiện năm thứ thông tuệ. Nếu chúng sinh đã nhập chánh vị, vì muốn khiến cho tu chánh hạnh, nương vào trí tuệ mà khiến cho tu hành, không phải nương vào thức. Do chứng đắc trí tuệ nên có thể hiểu rõ hai pháp thiện, ác.

Luận nói: Đối với chúng sinh trụ chánh hạnh và không trụ chánh hạnh, không có tâm lìa bỏ, an lập nghiệp cho họ. Nên biết có bốn câu giải thích.

Giải thích: Trước có bốn câu, sau lại lấy bốn câu để giải thích bốn câu trước. Vì muốn khiến cho chúng sinh lìa pháp ác, trụ pháp thiện pháp, vì an lập hai sự này, cho nên tạo lập nghiệp khác.

Luận nói: Dẫn dắt đại chúng.

Giải thích: Đây là giải thích câu thứ nhất. Đối với người phá giới không bỏ rơi họ, cũng không đuổi vĩnh viễn, từ cõi ác cứu vớt họ đặt để vào cõi thiện. Đối với người trì giới, tùy căn tánh người đó khiến họ tấn tu các hạnh định tuệ.

Luận nói: Nói năng hoàn toàn quyết định, là không có tâm nghi ngờ, lập chánh giáo học xứ.

Giải thích: Do trí tuệ quyết liễu không nghi ngờ. Lập giáo và học xứ hoàn toàn có thể tin thọ, nếu trước thuyết giáo như vậy, học xứ như

vậy, sau cho rằng chỗ thuyết trước là sai, do sự này mà ngôn thuyết bất định thì không đáng tin thọ. Do không có bất định nên có thể tin thọ.

Luận nói: Cung kính sự thật, là thâm nhiếp cả pháp, tài.

Giải thích: Do người này dùng lời thật, nương vào đạo lý chân thật mà thuyết pháp, đó gọi là nhiếp pháp. Chỗ được y phục tài vật như pháp rồi, dùng vật này thu nhiếp chúng sinh, đó gọi là nhiếp thu tài vật chân thật.

Luận nói: Trước cung kính hành Tâm Bồ-tát, là tâm không ô nhiễm.

Giải thích: Do người này nhiếp trì tâm Bồ-tát, có thể làm việc lợi ích vì tất cả chúng sinh, mà không vì chúng sinh kính thờ đối với ta. Tại sao chúng sinh đó do lợi ích của ta, tin thọ chánh giáo, tương lai đắc Vô thượng Bồ-đề? Vì thiện ý này cho nên hành hai nhiếp pháp và tài. Đó gọi là tâm không nhiễm ô.

Luận nói: Cùng với các pháp tương ứng như vậy gọi là Bồ-tát. Do như vậy văn cú, trước nói câu ấy nên biết là thứ nhất. Giải thích câu thứ nhất, là đối với tất cả chúng sinh có ý làm lợi ích an vui, văn cú của ý lợi ích an vui này riêng có mười sáu câu, chỗ hiển thị giải thích nghiệp nên biết có mười sáu nghiệp. Như vậy đấng nên biết là để giải thích câu thứ nhất.

Giải thích: Câu thứ nhất thuyết minh sự lợi ích an vui, chỗ còn lại mười sáu nghiệp và mười sáu câu, đều là nghĩa riêng của sự lợi ích an vui. Lấy riêng để giải thích chung.

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Lại lấy nội bài kệ, để làm rõ các nghĩa đức, nhân, chung và riêng đã nói ở trước.

Luận nói:

*Giữ như câu nói trước ,
Tùy đức, câu khác nhau
Giữ như câu nói trước
Do nghĩa riêng, câu riêng.*

